

Đ, ngày 09 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLST – DS ngày 16/01/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: A N, Phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Pratt J, Chức vụ Giám đốc công ty.

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đào Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số D T, p. Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Theo quyết định số 159/2023/UQ-SVN ngày 01/3/2023).

Bị đơn: Anh Đỗ Hồng Q, sinh năm 1994

Địa chỉ: TDP4B, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Đỗ Hồng Q phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là **36.041.120đ** (Ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi một ngàn, một trăm hai mươi đồng) cho Công ty TNHH S1. Với hình thức trả nợ vào ngày 15 hàng tháng anh Đỗ Hồng Q có trách nhiệm trả số tiền 4.000.000 đ (Bốn triệu đồng) cho Công ty TNHH S1 đến khi thanh toán hết số nợ. Thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 15/4/2024. Trường hợp anh Đỗ Hồng Q không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận thì phải chịu lãi suất

chậm trả theo Hợp đồng cầm cố đã ký số KTM221001005NA21X ngày 30/10/2022.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **901.028đ** (*Chín trăm lẻ một đồng, không trăm hai mươi tám đồng*). Anh **Đỗ Hồng Q** thoả thuận nhận nộp số tiền này.

Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho **Công ty TNHH S1** số tiền là **1.358.900đ** (*Một triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0001354 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga